

Số 30/2022/QĐST - HNGĐ

Yên Mô, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** Anh Lê Hữu N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/ 4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Lê Hữu N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 21/5/2021 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Aanh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Anh Lê Hữu N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị Phạm Thị T không được cản trở anh Lê Hữu N việc trông nom, chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Hữu N không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị T nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006237 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa